

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/HNGĐ - ST

Ngày: 12/6/2020.

“*V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi
con chung*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH GIA LAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Quảng.
- Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Trương Công Chừ;
+ Ông Bùi Hữu Nghĩa.
- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Văn Sáng – Thư ký Toà án nhân dân huyện P, tỉnh Gia Lai.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Bích Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2020, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 237/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2019, về việc: “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 27/4/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2020/QĐST-HNGĐ ngày 26/5/2020, giữa:

-*Nguyên đơn*: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1988. (Có mặt)

Địa chỉ: Làng T, xã O, huyện P, tỉnh Gia Lai;

-*Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1973. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Làng T, xã O, huyện P, tỉnh Gia Lai;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Văn T qua quen biết, tìm hiểu, rồi đi đến hôn nhân. Sau đó đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện P vào năm 2008.

Sau khi kết hôn, hai người chung sống hạnh phúc một thời gian. Nhưng được một thời gian thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh T không chịu lo làm ăn, chơi cờ bạc rồi dẫn đến vay mượn tiền bên ngoài, chị H

nhiều lần phải đi trả nợ. Sự việc kéo dài như vậy khiến kinh tế gia đình suy giảm, không có khả năng trả nợ. Các chủ nợ do anh T vay tiền liên tục đến H đòi nợ, làm ảnh hưởng đến cuộc sống, sinh hoạt hàng ngày của chị H và con cái. Anh T vì trốn tránh trả nợ nên đã bỏ đi, không chung sống cùng gia đình, nên hai người đã sống ly thân được hai năm. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Chị H và anh T có hai con chung: Nguyễn Thị Thúy H1, sinh ngày 15/6/2008 và Nguyễn Quốc H2, sinh ngày 29/7/2013. Sau khi ly hôn, chị H có nguyện vọng được nuôi hai con.

Về cấp dưỡng: Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, và nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra nguyên đơn không trình bày gì thêm.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn T: Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, Toà án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên hoà giải, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho anh T theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh T không đến Toà án để làm việc, không cung cấp cho Toà án văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị H.

Các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp: 01 Đơn khởi kiện, người ký đơn: Phạm Thị H; Giấy chứng minh nhân dân (Bản sao chứng thực); Giấy chứng nhận kết hôn (Bản chính); Giấy chứng minh nhân dân tên Phạm Thị H và Nguyễn Văn T, sổ hộ khẩu (Bản sao chứng thực); Hai Trích lục khai sinh của Nguyễn Quốc H2 và Nguyễn Thị Thúy H1 (Bản sao);

Các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập gồm: Bản tự khai; Biên bản xác minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, phát biểu quan điểm như sau:

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về việc tuân theo pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng: Đảm bảo theo quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Đúng quy định của pháp luật.

- Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không.

- Về nội dung đề nghị: 28, 35, 39, 147, 228, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị H đối với anh Nguyễn Văn T.

+ Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị H giao các cháu Nguyễn Thị Thúy H1, sinh ngày 15/6/2008 và Nguyễn Quốc H2, sinh ngày 29/7/2013 cho chị

H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi thành niên hoặc đã thành niên mà mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

+ Về án phí: Buộc nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1] Về tố tụng: Đơn khởi kiện chị Phạm Thị H phù hợp quy định tại Điều 189 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Nguyễn Văn T hiện cư trú tại Làng T, xã O, huyện P, tỉnh Gia Lai, nên Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Gia Lai thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Văn T đã được toà án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên toà và được toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, do vậy toà án nhân dân huyện P căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn

Chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Văn T có đăng ký kết hôn vào năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện P, tỉnh Gia Lai, chị H và anh T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh T và chị H chung sống hạnh phúc một thời gian cho đến năm 2016 thì chị H và anh T thường xuyên phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do hai anh chị bất đồng quan điểm sống, không hiểu nhau, thường xuyên cãi nhau, anh T **thường xuyên ăn chơi**, không chăm lo cuộc sống gia đình. Thực tế chị H và anh T đã không thường xuyên chung sống từ đầu năm 2019 cho **đến nay**, không ai còn quan tâm đến ai. Trong quá trình giải quyết vụ án thì Tòa án đã nhiều lần tiến hành thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn để hòa giải cho các đương sự về đoàn tụ, xây dựng gia đình hạnh phúc. Tuy nhiên, bị đơn đã không đến Tòa án để tiến hành hòa giải. Xét thấy tình trạng hôn nhân của chị H và anh T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H.

[3] Xét yêu cầu nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con:

Chị H và anh T có hai con chung: Nguyễn Thị Thúy H1, sinh ngày 15/6/2008 và Nguyễn Quốc H2, sinh ngày 29/7/2013. Xét thấy các cháu H1 và H2 đang còn nhỏ, hiện đang ở với chị H. Chị H có điều kiện đảm bảo khả năng nuôi con nên việc giao các cháu H1 và H2 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng là phù hợp, đảm bảo quá trình phát triển toàn diện, bình thường và phù hợp với nguyện vọng của các cháu H1 và H2.

Chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc chia tài sản chung và nghĩa vụ thanh toán chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phạm Thị H.

1. Về hôn nhân: Chị Phạm Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao các cháu Nguyễn Thị Thúy H1, sinh ngày 15/6/2008 và Nguyễn Quốc H2, sinh ngày 29/7/2013 cho chị Phạm Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu H1 và H2 thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình (theo nguyện vọng của con chung).

Anh Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Buộc chị Phạm Thị H phải chịu án phí dân sự ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) nhưng được khấu trừ trong số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp trước đây theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí tòa án số 0000471, ngày 11/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Gia Lai. Chị H đã nộp đủ tiền án phí.

5. Chị Phạm Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (12/6/2020), anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- UBND xã D, huyện P, Gia Lai;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Văn Quảng